

# THIÊN SƯ LIỄU QUÁN CHÙA THIỀN TÔN - HUẾ



**HT. Thiên Siêu**

---o0o---

*Nguồn*

*<http://thuvienhoasen.org>*

*Chuyển sang ebook 05-08-2009*

*Người thực hiện :*

*Nam Thiên - [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)*

*[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)*

---o0o---

Nước ta từ sau ngày Doãn Quốc Công Nguyễn Hoàng (1558 - 1613) vào trấn thủ đất Thuận Quảng, dần dần biến thành một vùng cai trị riêng cắt đứt liên hệ với vua Lê ở miền Bắc, lấy sông Danh làm ranh giới chia cắt Việt Nam thành hai mà sử gọi là Đàng Trong và Đàng Ngoài.

Tuy nhiên, chế độ cầm quyền dù có khác nhau mà lòng dân vẫn là một. Dân Đàng Trong hay dân Đàng ngoài vẫn coi nước Việt Nam là một, phong tục tập quán, văn hóa, tín ngưỡng vẫn giống nhau. Dân Đàng Ngoài tin Phật giáo, dân Đàng Trong cũng tin Phật giáo, mặc dù Phật giáo lúc này đã suy vi rất nhiều so với Phật giáo thời Lý Trần. Song do có lòng tin đó, mà Đàng Trong hay Đàng Ngoài vẫn có các vị Thiền sư kể cả các vị Thiền sư Trung Quốc qua tiếp tục truyền bá đạo Thiền thuộc phái Lâm Tế và Tào Động.

Gặp lúc ở Tàu nhà Mãn Thanh lên thay nhà Minh, những Tăng sĩ Tàu không thần phục nhà Thanh mới bỏ sang Việt Nam. Người vào đất Bắc như Chuyết Công Hòa thượng, Minh Lương Hòa thượng, người vào đất Nam như Tế Viên Hòa thượng, Giác Phong Lão tổ, Thọ Tôn Nguyên Thiệu, Minh Hoàng Tử Dung, Thạch Liêm Đại Sán v.v... sang ở vùng Thuận Hóa và Bình Định. Trong khoảng thời gian này, ở Đàng Trong có một vị Thiền sư Việt Nam,

đạo đức cao siêu, tâm quang sáng rực, được tôn làm Tổ, đó là Hòa thượng Liễu Quán mà cuộc đời của Ngài thật là một tấm gương tốt chói lọi của một trong những vị Sư thông thái nhất xứ này.

Tổ Liễu Quán mở pháp môn ở núi Thiên Thai thuộc Thuận Hóa. Ngài đặt bài kệ: "Thật Tế Đại Đạo, Tánh Hải Thanh Trùng v.v..." để làm pháp hệ truyền thừa mãi đến nay vẫn còn tiếp nối. Hầu hết các chùa ở vùng Trung và Nam Việt đều thuộc phái Thiền Lâm Tế này, trong khi việc truyền bá của các vị Thiền sư Trung Quốc không mấy rộng rãi và liên tục cho bằng. Tổ Liễu Quán thật đã có một vị trí sáng chói trong lịch sử Phật giáo cuối đời Hậu Lê. Vậy ở đây ta hãy tìm hiểu rõ hơn về ngài.

Ở khoảng ba cây số về phía Nam đèo Nam giao có một ngôi tháp đến nay còn được giữ gìn hoàn hảo đẹp đẽ ở trên một thửa đất có tường thành bao quanh, có tam cấp và hồ sen. Đó là ngôi tháp của Tổ Liễu Quán. Có thể nói đây là ngôi tháp hùng vĩ, cổ kính, uy nghiêm nhất từ xưa còn lại ở miền Trung và Nam Việt.

Khuôn viên tháp gồm có kiến trúc Pháp tường thành, nền hồ vôi, rộng vào khoảng 70 mét vuông, nếu kể toàn diện tích đất chung quanh thì có thể gần một héc-ta, trong đó có phần trồng thông và xoài.

Tháp có hai lớp tường thành bằng đá bao quanh. Lớp trong hình bát giác cao độ 0m60 ở gần tháp. Lớp ngoài hình tứ giác cao độ 1m80, dày 1m. trước tháp có tam cấp danh dự ngang 4 mét gồm 10 bậc. Ở ngoài nhìn trên cổng tường vào tháp có biển đề chữ: "Đàm hoa lạc khứ hữu du hương" (Hoa Đàm rụng hương thơm vẫn còn). Hai bên có hai câu đối: "Bửu đật trường minh bất đoạn môn tiền lưu lục thủy; Pháp thân độc lộ y nhiên tạo lý khán thanh sơn" (Tiếng linh báu ngân dài cùng dòng nước lục trước cửa chảy hoài không dứt; Pháp thân lộ y nhiên bất động ngắm núi xanh).

Phía trong tường thành là ngôi tháp dựng ở chính giữa, hình bát giác hồ vôi, cao 7 tầng độ 6 mét, mặt trước có bia đá áp sát vào và mang các dòng chữ: bên trên: "Vô lượng quang", dòng giữa bia: "Sắc tú Chánh giác Viên ngộ Liễu Quán lão Hòa thượng chi tháp". Hai bên có hai câu đối: "Bồng át chân phong gia kế thuật; Tân lương mỹ hóa quốc bao sùng" (Chân phong của phép Thiền đánh hết được ngài kế thừa truyền thuật; Đức hòa tốt đẹp của bậc Thầy hướng đạo được cả nước khen ngợi tôn sùng).

Áp sát mặt trong tường thành bên trái của tháp có tấm bia đá sa thạch cao 1m, rộng 0m60, văn bia gồm gần 1.500 chữ Hán, do người cháu trong đạo

của Tổ Liễu Quán, bấy giờ đang làm Sư ở chùa Tang Liên bên Trung Quốc soạn và dựng năm thứ 9 niên hiệu Cảnh Hưng (1748, vua Lê Hiển Tông), đúng 6 năm sau ngày Tổ Liễu Quán viên tịch.

Chính nội dung tám bia này là một tài liệu đầy đủ nhất còn lại cho ta biết rõ công hạnh tu chứng và hóa đạo của Tổ Liễu Quán.

Dưới đây là bản dịch các điểm chính tám bia ấy: "Đặc điểm căn bản của Phật giáo chúng ta là gì? - Theo Phật giáo, con người không phải từ cửa tử sanh ra, cũng phải chết đi là đi vào cửa tử. Thế nên người xưa sống trong rừng sâu hang động, chỉ ăn ngủ sơ sài, chẳng có gì quan trọng đáng lo nghĩ hơn là vấn đề sống và chết.

Tim được một người chấp nhận hy sinh cho đạo pháp, nhất là lúc Phật giáo đang suy đồi như Hòa thượng Liễu Quán của chúng ta thật là điều hy hữu.

Ngài Quán làng Bạc Mã, huyện Đồng xuân phủ Phú Yên, họ Lê, pháp danh Thiết Diệu, hiệu Liễu Quán. Tu học từ thuở nhỏ, ngài tỏ ra thông minh khí tiết hơn các bạn đồng học. Mất mẹ năm lên sáu, theo ý nguyện của ngài, thân phụ ngài đã gởi ngài đến chùa Hội Tôn thụ giáo với Tế Viên Hòa thượng. Bảy năm sau Tế Viên Hòa thượng tịch, Ngài ra Huế vào chùa Hàm Long (tức chùa Bảo Quốc ngày nay) thụ học với Giác Phong lão tổ.

Năm Tân tị (1691), sau khi xuống tóc được một năm, ngài được gọi về làng cũ để giúp đỡ phụ thân trong lúc già yếu. Nhà nghèo ngài phải đi hái củi bán lấy tiền lo thuốc thang. Bốn năm sau phụ thân qua đời vào năm Ất hợi (1695) ngài lại trở ra Huế chính thức thụ giới Sa-di với Thạch Liêm Đại Sán Hòa thượng. Năm Đinh sửu (1697) ngài tiếp tục thụ giới Cụ túc với Từ Lâm lão Hòa thượng.

Năm Kỷ mão (1699) ngài đi khắp Tông Lâm thăm viếng nhiều chùa để học hỏi đạo lý, và quyết định hiến thân cho đời sống đạo, chẳng quản đặm bạc gian lao. Từ đó ngài tinh chuyên tu tập.

Năm Nhâm ngọ (1702) ngài đến Long Sơn đầu sư với Tử Dung Hòa thượng (người sáng lập Ấn Tôn Từ Đàm hiện nay), một vị Hòa thượng có tiếng thông thái khéo dạy người niệm Phật tham Thiền của thời này.

Trước khi chấp nhận ngài làm học trò, Hòa thượng Tử Dung đã thử nhiều lần và bắt ngài giải thích câu sau đây: "Muôn pháp quy về một, một về đâu?". Ngài đã tìm kiếm 8, 9 năm không ra câu giải đáp và đã thất vọng.

Một hôm nhân đọc Truyền Đăng Lục, ngài gặp câu: "Chỉ vật truyền tâm, nhân bất hội xứ" (Chỉ vật truyền tâm, chỗ mà người ngoại cuộc không hiểu được), bỗng nhiên ngài thấy đã tìm ra câu giải đáp mà thầy mình đã đặt ra, nhưng vì đường xá xa cách, không thể đến trình chỗ ngộ với thầy ngay được.

Năm Mậu tý (1708) ngài đến Long Sơn (Huế) để đệ trình kết quả với câu: "Chỉ vật truyền tâm, nhân bất hội xứ". Hòa thượng Tử Dung lại dạy câu: "Đứng ở mé bờ cao vút buông tay, tự mình chịu lấy, chết rồi sống lại, bấy giờ không ai có thể dối người" (Huyền nhai tán thủ, tự khẳng thừa đương, tuyệt hậu tái tô, khi quân bất đắc). Ngài vỗ tay cười lớn tiếng. Hòa thượng nói: "Không phải vậy đâu". Ngài liền đọc: "Xứng chùy nguyên thị thiết". (Cái dùi nguyên là sắt). Hòa thượng đáp: "Cũng không phải vậy đâu".

Hôm sau Hòa thượng lại tiếp tục thử ngài bằng câu: "Công án ngày qua chưa giải đáp xong, hãy nói lại xem?". Ngài liền đọc hai câu: Sớm biết đèn là lửa, cơm chín đã lâu rồi. Hòa thượng tán thán.

Năm Nhâm thìn (1712) khi Hòa thượng Tử Dung vào Quảng Nam để làm lễ Toàn Viện (?) ngài Liễu Quán trình Hòa thượng bài kệ dục Phật (tắm Phật). Xem bài kệ, Hòa thượng đặt cho ngài câu hỏi sau đây: "Tổ Tổ truyền cho nhau, Phật Phật trao cho nhau, chưa rõ truyền trao cái gì ấy?". Ngài Liễu Quán đáp: "Mãng đá mọc chồi dài một trượng, phủ phát lông rùa nặng ba cân". Hòa thượng Tử Dung tiếp hỏi: "Thuyền trượt trên núi cao, ngựa chạy dưới đáy biển" nghĩa là gì? Ngài đáp: "Trâu đất gãy sừng rồng râu thâu đêm, đàn cầm không giây gảy suốt ngày".

Rồi ngài chép lại tất cả những câu đối đáp trình ngay lên Hòa thượng Tử Dung và được Hòa thượng hoàn toàn thừa nhận.

Ngài là người có trí thông minh phi thường, chí nguyện siêu việt.

Năm Nhâm dần (1722) ngài về trụ ở Tổ đình Thiên Tôn - Huế. Trong các năm Quý sửu, Giáp dần, Ất mão (1733, 1734, 1735) ngài mở bốn đại giới đàn theo lời thỉnh cầu của các hàng cư sĩ, xuất gia và các quan viên hộ pháp. Năm Canh thân (1740) sau khi truyền giới đàn Long Hoa, ngài trở lại tổ đình.

Đương thời Hiếu Minh vương Nguyễn Phúc Chu cảm phục đạo đức và danh tiếng của ngài, triệu ngài vào cung, nhưng ngài muốn giữ sự tự tại ở chốn lâm tuyền nên đã từ tạ lời thỉnh mà không đến.

Mùa xuân năm Nhâm tuất (1742) ngài lại mở giới đàn tại chùa Viên Thông. Vào cuối thu, tháng 9 năm ấy (tháng 10 năm 1742) ngài lâm bệnh nhưng không có dấu hiệu gì trầm trọng. Tháng 10 năm ấy, ngài họp các đệ tử nói: "Tôi sẽ ra đi, sứ mạng của tôi ở đời này đã xong". Các đệ tử khóc òa. Ngài khuyên bảo: "Tại sao các vị khóc? Chư Phật còn nhập Niết-bàn. Tôi cũng vậy, tôi đến đi rõ ràng, về có nơi chốn. Xin đừng buồn rầu, hãy cố gắng tinh tấn hơn lên".

Tháng 11 âm lịch năm ấy, mấy ngày trước khi mất, ngài ngồi dậy tự tay viết bốn câu:

"Ngoài bảy mươi năm trong thế giới  
Không không sắc sắc thấy dung thông  
Ngày nay nguyện mãn về nơi cũ  
Nào phải ân cần hỏi tổ tông".

Viết xong, ngài bảo các đệ tử: "Các vị xem này, tôi đến với cõi đời này giản dị biết bao nhiêu. Tôi sẽ ra đi trọn vẹn. Mai sau các vị hãy áp dụng thực hành Thánh hạnh. Xin hãy cố gắng chớ quên lời dạy bảo của tôi".

Ngày 22 tháng 11 năm Nhâm tuất (tháng 12 năm 1742) sau khi dùng trà, hành lễ buổi sáng, ngài hỏi đệ tử mấy giờ. Các đệ tử đáp bây giờ là giờ mùi (khoảng 1 đến 3 giờ chiều), ngài thở hơi cuối cùng.

Chúa Minh vương Nguyễn Phúc Chu ban thụy hiệu là Chánh Giác Viên Ngộ Hòa thượng để khắc bia.

Di thể được chuyển mai táng ngày 19 tháng 2 năm Quý Hợi (1743) ở ngôi tháp mới nằm phía Nam núi Thiên Thai, trên thửa đất làng An Cựu, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên (cũ).

Ngài Liễu Quán sinh giờ Thìn (khoảng 7 đến 9 giờ sáng) ngày 13 tháng 11 năm Đinh vị (1667), viên tịch ngày 22 tháng 11 năm Nhâm tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ III (1742), 43 tuổi hạ, 76 tuổi đời, độ 49 đệ tử xuất gia danh tiếng và rất đông đệ tử tại gia.

Người thế tục cho rằng thế gian có sanh tử khứ lai, nhưng đối với Ngài Liễu Quán thì không như vậy. Thương kính Ngài, vị Thiên sư khả kính của chúng ta không còn nữa, Ngài đã nhập Niết-bàn. Vậy không phải nói gì cho Ngài nữa, nhưng những công nghiệp phục vụ đạo pháp của Ngài được ghi lại đây là để làm tỏ rạng đạo giáo cho tương lai chúng ta.

Xin thú nhận rằng, nhân duyên nhập đạo, sự nghiệp truyền đăng của ngài quá đặc biệt lớn lao, tôi không sao rõ hết được, nên nơi đây chỉ thuật lại được đôi phần, như kẻ mù sờ voi vậy.

Pháp hiệu Thiện Kế kính soạn.

(Su Thiện Kế sau về Trung Quốc và mất luôn bên ấy).

Hiện nay cách phía sau tháp độ 800 mét có chùa Thiên Tôn do Ngài sáng lập và các đệ tử tiếp tục thừa kế trùng tu còn được đẹp đẽ khang trang, trong đó có quả đại hồng chung đúc năm Cảnh Hưng thứ 8 (1747) là di vật quý nhất.

15.11.1986

---o0o---

## **TỔ LIỄU QUÁN** **Thích Tín Nghĩa (sưu lục)**

Căn cứ theo tài liệu nghiên cứu của Thiền sư Mật Thử trong cuốn Việt Nam Phật Giáo Sử Lược, thì dưới triều chúa Nguyễn ở đàng Trong, phong trào phát triển Phật giáo nói chung và Thiền phái Lâm Tế nói riêng bành trướng rất mạnh mẽ ; đồng thời, đã lưu lại cho nền văn học Phật giáo nhiều kiến trúc mỹ thuật, hội họa rất nổi tiếng. Tuy nhiên, khi nhà Tây Sơn thống nhất đất nước, kéo quân từ Nam ra diệt Nguyễn thì đoàn quân lính này đã hủy diệt đi những công trình quý báu đó. Bị ký, chứng liệu bị thất tung. Và, Phật giáo đã mất đi nhiều vốn liếng quý giá của mình. Và cũng từ đó, nền sử liệu có vài phần phiến diện.

Và, nếu ở đàng Ngoài, thiền sư Chân Nguyên được xem như là nhân vật then chốt cho cuộc phục hưng Chánh pháp ở đàng Ngoài ; thì ở đàng Trong, Tổ Liễu Quán cũng là nhân vật quan trọng đặc biệt về vấn đề lãnh đạo Phong trào Phục hưng Phật giáo ở đàng Trong vậy.

Vậy, chúng ta hãy đi vào một vài nét đơn thuần về cuộc đời tu học, hành hóa của Tổ Liễu Quán như thế nào.

**Thân thế :**

Ngài thọ sanh năm 1670, tại làng Bạch Mã, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, miền Trung nước Việt, trong một gia đình không mấy được khá giả. Mồ côi mẹ khi ngài vừa lên sáu tuổi.

Năm 1682, được 12 tuổi, theo cha đi chùa Hội Tôn lễ Phật, gặp thiền sư Tế Viên, ngài cảm mến và xin phụ thân xuất gia tại đây. Ngài rất được thiền sư Tế Viên thương mến và hết lòng dạy dỗ. Những năm hành điệu tại chùa Hội Viên, ngài chỉ làm những công việc nhỏ nhặt như gánh nước cũng như hai thời khóa công phu và luật tiểu Sa di, ... Tu tập ở đây được chín năm thì thiền sư Tế Viên viên tịch, ngài tròn 19 tuổi. Sau khi chu tất tang lễ của thầy, ngài từ giả quý huynh đệ đồng tu ở đây rồi một mình lên đường tìm thầy học đạo tiếp tục.

Năm 1690, vượt Trường sơn ra đất Thuận Hóa, đầu sư với Giác Phong lão tổ ở chùa Thiên Thọ, núi Hàm Long (tức Phật học đường Báo Quốc bây giờ). Được một năm thì phụ thân thọ bệnh, ngài xin phép được trở về nhà để săn sóc. Hằng ngày vào rừng lo đốn củi đổi gạo và thuốc men để chăm sóc cho phụ thân. Bốn năm sau, phụ thân mãn phần, lo tang chay và giao hết nhà cửa hương hỏa cho bà con quyến thuộc xong xuôi, ngài tiếp tục lên đường học đạo.

### **Sự nghiệp tu học :**

Năm 1695, nghe thiền sư Thạch Liêm tổ chức giới đàn ở chùa Thiên Lâm, cố đô Huế, ngài xin cầu thọ Sa di thập giới với đạo hiệu thượng Liễu hạ Quán hứy Thiệt Diệu, thuộc dòng Lâm tế chánh tông đời thứ 35.

Năm 1697, thiền sư Từ Lâm làm Đàn đầu Hòa thượng, ngài tròn 27 tuổi được tấn đàn Tỳ kheo giới. Đắc giới xong, ngài ở lại đây hai năm để cầu học những giới pháp đã thọ được thông suốt rồi lại tiếp tục tham cầu Phật pháp với các bậc tôn sư khắp nơi.

Năm 1672, ngài gặp thiền sư Tử Dung tại chùa Ân Tôn (tức tổ đình Từ Đàm bây giờ), ở núi Long sơn, cố đô Huế, tổ Tử Dung dạy cho ngài tham cứu câu thoại đầu :

- “Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ ?”.

Nghĩa là :

Muôn pháp về một, một ấy đi về đâu ?

Từ câu thoại đầu này, làm cho ngài ngày đêm suy nghĩ miên mang. Cuối cùng, ngài lại phải trở về chốn cũ Phú Yên để tịnh tu và tham cứu cho được câu mà tổ đã trao. Suốt năm năm liền mà vẫn chưa làm bung vỡ được thâm ý của câu thoại đầu, lòng tự hổ thẹn. Một hôm, nhân đọc cuốn Truyền Đăng Lục, khi đọc đến câu :

“Chỉ vật truyền tâm, nhân bất hồi xứ”

Nghĩa là : Chỉ vật mà truyền tâm, chính vì vậy mà người ta không hiểu nổi ; thoát nhiên ngài tỏ ngộ và buông sách xuống với một tâm niệm an lạc.

Năm 1708, ngài tìm ra núi Long Sơn để gặp tổ Tử Dung và trình bày ý của ngài cho Tổ rõ về công phu đã tu tập trong mấy năm qua.

Tổ bảo :

- “Hổ thẳm buông tay,  
Một mình cam chịu,  
Chết đi sống lại,  
Ai dám chê mình ?”.

Ngài vỗ tay cười ha hả, Tổ liền nghiêm nét mặt, nói :

- “Chưa được”.

Ngài nói :

- “Bình thù nguyên thị thiết”

Nghĩa là :

Trái cân vốn là sắt,

Tổ lắc đầu : Sáng hôm sau, tổ thấy ngài đi ngang, liền gọi vào và bảo :

- “Chuyện ngày hôm qua chưa xong, hôm nay hãy nói lại xem sao”

Ngài đọc :

-“ Sớm biết đèn là lửa,  
Cơm chín đã lâu rồi !”.

Tổ nghe xong lắc làm đẹp ý và hết lời khen ngợi.

Năm 1712, khi Tổ và ngài gặp nhau lần thứ ba nhân cùng đi dự đại lễ Toàn Viện ở tỉnh Quảng Nam, ngài đem trình lên tổ Tử Dung bài kệ Tấm Phật. Tổ hỏi :



- “Tổ tổ tương truyền,  
Phật Phật thọ thọ,  
Vị thâm truyền thọ cá thập ma ?”

Nghĩa là :

Tổ truyền cho Tổ,  
Phật truyền cho Phật,  
Chẳng hay các ngài truyền cho nhau cái gì ?

Ngài liền đáp :

- “Thạch dẫn trừu điều trường nhất trọng  
Quy mao phủ phát trọng tam cân”.

Nghĩa là :

Búp măng trên đá dài một trọng  
Cây chổi lông gà nặng ba cân.

Tổ dạy tiếp :

- “Cao cao sơn thượng hành thuyền,  
Thâm thâm hải đề tẩu mã”.

Nghĩa là :

Chèo thuyền trên núi cao,  
Cỡi ngựa dưới đáy biển.

Ngài đáp :

- “Chiết giác nê nguuri triệt dạ hồng,  
Một huyền cầm tử tận nhật đàn”.

Nghĩa là :

Gãy sừng trâu đất rỗng thâu đêm,  
Dây đứt đàn tranh chơi suốt sáng.

Đến đây thì tổ Tử Dung rất bằng lòng về sự tu tập của ngài.

### **Hoằng hóa độ sanh :**

Ngài đắc pháp và được truyền tâm pháp vào lúc ngài vừa 42 tuổi. Nếu thiền sư Chân Nguyên được xem là nhân vật chủ chốt để phục hoạt Phật giáo ở đảng Ngoài (Chúa Trịnh), thì tổ Liễu Quán là nhân vật quan trọng tiêu biểu cho công nghiệp phục hưng, xiển dương và trực tiếp lãnh đạo Phật giáo ở đảng Trong (Chúa Nguyễn).

Trước sau, ngài đã gặp và tham khảo cũng như được tổ Tử Dung ấn chứng diệu pháp là ba lần :

- Lần thứ nhất năm 1702,

- Lần thứ hai năm 1708, lần này tổ Tử Dung ấn chứng cho ngài về sự đạt ngộ chánh pháp của Phật và cũng là năm mà ngài khai sáng tổ đình Thuyền Tôn.

- Lần thứ ba vào năm 1712 tại đất Quảng Nam khi tổ Tử Dung và ngài cùng dự lễ Toàn Viện, lần này ngài đã trình bài kệ Tắm Phật với tổ.

Ngài đã lập nhiều đạo tràng để truyền giáo như :

- Tổ đình Thuyền Tôn ở núi Thiên Thai, xóm Ngũ Tây, huyện Hương Thủy vào năm 1708, nhưng mãi đến năm 1747, chúa Nguyễn Phúc Khoát mới ban sắc tứ cho chùa này; đồng thời, Đại Hồng Chung đang được thờ tại đây cũng được đúc cùng năm này, tức là năm Cảnh Hưng thứ tám.

- Tổ đình Viên Thông sau lưng núi Ngự Bình (Chúa Nguyễn Phúc Khoát rất sùng kính uy đức và đạo hạnh của ngài, nhiều lần thỉnh ngài vào kinh để tham vấn giáo lý, ngài đều từ chối, vì không muốn dính líu sự lui tới ra vào với triều đình; do đó, chúa và quần thần hay vào tổ đình Viên Thông để hỏi đạo, nên núi này có tên là núi Ngự).

- Tổ đình Hội Tôn, Tổ đình Cổ Lâm và Tổ đình Bảo Tịnh ở Phú Yên.

- Từ năm 1733 đến năm 1735, ngài đã mở liên tiếp ba Đại giới đàn để truyền trao giới pháp cho hàng xuất gia và tại gia. Trong những đại giới đàn này, ngài cung thỉnh các bậc Cao Tăng và tể quan cư sĩ ở Đê đô để chứng minh và ngoại hộ cho Phật pháp.

- Năm 1740, ngài làm Đàn đầu Hòa thượng cho Đại giới đàn Long Hoa ở tổ đình Thuyền Tôn.

- Năm 1742, lúc này ngài đã 72 tuổi, vì sự nghiệp Phật pháp, ngài lại phải làm Đàn đầu Hòa thượng cho Đại giới đàn tại tổ đình Viên Thông và có đến gần bốn ngàn người tại gia cũng như xuất gia phát nguyện thọ giới.

Một buổi sáng đẹp trời mùa đông năm 1742, nhằm ngày 21 tháng 11 âm lịch, tại tổ đình Viên Thông, ngài dạy đồ chúng đem bút mực ra để viết bài kệ như sau:

Thất thập dư niên thế giới trung,  
Không không sắc sắc diệc dung thông,

Kim triều nguyện mãn hoàn gia lý,  
Hà tất bôn mang vấn tổ tông ?

Nghĩa là :

Ngoài bảy mươi năm trong thế giới,  
Không không, sắc sắc đã dung thông,  
Hôm nay nguyện mãn về chốn cũ,  
Nào phải ân cần hỏi tổ tông?

Sau khi, ngài làm bài kệ xong, dùng trà thì Đại chúng đánh lễ và đứng hầu quanh ngài. Trong chúng có vị khóc thành tiếng, ngài dạy :

- “Quý vị đừng khóc. Chư Phật thị hiện còn nhập niết bàn, còn tôi (tức là ngài Liễu Quán) thì đường đi nẻo về đã rõ ràng, không việc gì mà phải khóc ...”

Mọi người đều im lặng. Ngài căn dặn và tâm sự cùng đồ chúng một hồi lâu, ngài hỏi :

- “Đã đến giờ Mùi chưa ?”.

Chúng đáp :

- Dạ, vừa đúng.

Ngài dạy :

- “Sau khi tôi đã đi rồi, quý vị phải nghĩ đến sự vô thường nhanh chóng của cuộc đời mà siêng năng tu tập trí huệ, chớ nên quên lời dặn của tôi.”.

Ngài dặn dò xong, thân ngài kiệt già và nhắm mắt thị tịch. Chúa Nguyễn Phúc Khoát sắc làm bia ký và dựng tháp phụng thờ ngài trên núi Thiên Thai cạnh tổ đình Thuyền Tôn, xóm Ngũ Tây với thụy hiệu : Đạo Hạnh Thụy Chánh Giác Viên Ngộ Hòa Thượng.

Tháp của ngài được xây gần Tổ đình Thuyền Tôn, trên núi Thiên Thai. Trước khi ngài viên tịch, ngài phú pháp cho hàng đệ tử và truyền kệ như sau:

Thiệt Tế Đại Đạo,  
Tánh Hải Thanh Trừng,

Tâm Nguyên Quảng Nhuận,  
Đức Bốn Từ Phong,  
Giới Định Phước Tuệ,  
Thê Dụng Viên Thông,  
Vĩnh Siêu Trí Quả,  
Mật Khế Thành Công,  
Truyền Trì Diệu Lý,  
Diễn Xướng Chánh Tông,  
Hành Giải Tương Ứng,  
Đạt Ngộ Chơn Không.

Tổ Liễu Quán đã làm cho thiền phái Lâm Tế trở thành một tông phái đặc thù và linh động, có một nền móng vững chắc ở đàn trong (tức là từ Thanh hóa trở vào). Trước khi tổ Liễu Quán xuất hiện, thiền phái Lâm Tế ảnh hưởng của Trung quốc (vì có ngài Nguyên Thiều, ngài Thạch Liêm, ngài Tử Dung, v.v..). Chính tổ Liễu Quán đã Việt hóa tất cả từ văn hóa, kiến trúc và nghi lễ, v. v..

Ngài có bốn vị đệ tử lớn: Tổ Huân, Trạng Quan, Tế Nhân và Từ Chiêu. Bốn ngài này đã tạo lập bốn trung tâm hoàng dương chánh pháp lớn lao khắp đó đây ở đàn Trong. Và, từ thế kỷ thứ 18 trở về sau này nghiêm nhiên với danh xưng Thiền Phái Liễu Quán

Khi chúa Nguyễn mở mang bờ cõi về phương Nam, Thiền Phái Liễu Quán cũng đi dần theo quần chúng ở các vùng đất mới

Và từ đó, Thiền Phái Liễu Quán cứ phát triển và lớn dần lên mãi. Những năm đầu chấn hưng Phật giáo qua các thập niên ba mươi, bốn mươi và cận đại, thiền phái Liễu Quán đã đóng một vai trò trọng yếu của Giáo hội.

Hằng năm, tùy theo hoàn cảnh và thời tiết, chúng ta là hậu duệ, đều có tổ chức ngày Giỗ Tổ để kỷ niệm ân đức cao dày của Ngài, nhưng, cũng là mục đích nhắc nhở cho đàn hậu tấn xuất gia cũng như tại gia biết về sự diễn tiến chánh pháp từ sơ khởi cho đến lúc huy hoàng về Thiền Phái Liễu Quán. Ngày giỗ đầu tiên được tổ chức tại Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại tháng Mười ta năm Canh Thìn – 2000 và suy tôn Hòa Thượng Thích Đức Niệm là Trưởng Môn phái tại Hoa Kỳ. Năm Tân tỵ - 2001, là ngày Giỗ Tổ thứ hai. Và cứ như thế, luân phiên nhau mãi mãi. Quý Ngài cũng như quý Phật tử nên thông tin cho nhau biết thêm về ngày Giỗ Tổ này để trong tương lai được đồng đức và khẩn khít với nhau về tình đạo nhiều hơn.

---o0o---  
**HÉT**